

**BIỂU TỔNG HỢP RÀ SOÁT NHU CẦU**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa bàn	Số người thụ hưởng	Nguồn vốn			Dự kiến thời gian hoàn thành		Ghi chú
				Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Năm 2026	Năm 2027	
<b>I</b>	<b>Nước sinh hoạt</b>			<b>405.134</b>	<b>381.715</b>	<b>23.419</b>			
1	Nước sinh hoạt tập trung			<b>381.715</b>	<b>381.715</b>	<b>0</b>			
1.1	Tên công trình								
	3 Công trình	Xã Biền Hồ		6.000	6.000		x	x	
	6 Công trình	Xã Đăk Đoa		36.000	36.000			x	
	6 Công trình	Xã Ayun		5.400	5.400		x	x	
	1 Công trình	Xã Ya Ma		3.000	3.000		x		
	1 Công trình	Xã Ya Hội		4.000	4.000		x	x	
	3 Công trình	Xã Pờ Tó		6.000	6.000			x	
	1 Công trình	Xã Kông Chro		600	600		x		
	1 Công trình	Xã Kbang		3.000	3.000			x	
	1 Công trình	Xã Ia Sao		4.000	4.000			x	
	10 Công trình	Xã Ia Rсай		30.000	30.000		x	x	
	2 Công trình	Xã Ia Pnôn		6.000	6.000		x		
	1 Công trình	Xã Ia Pa		3.000	3.000			x	
	1 Công trình	Xã Ia Ly		3.000	3.000			x	
	1 Công trình	Xã Ia Le		1.000	1.000			x	
	3 Công trình	Xã Ia Krêl		9.000	9.000		x	x	
	6 Công trình	Xã Bàu Cạn		12.000	12.000		x	x	
	3 Công trình	Xã Đak Rong		9.000	9.000		x		
	2 Công trình	Xã Đức Cơ		2.000	2.000		x		
	2 Công trình	Xã Krong		50.000	50.000		x	x	

TT	Nội dung	Địa bàn	Số người thụ hưởng	Nguồn vốn			Dự kiến thời gian hoàn thành		Ghi chú
				Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Năm 2026	Năm 2027	
	11 Công trình	Xã Ia Boong		22.000	22.000		x	x	
	2 Công trình	Xã Ia Grai		20.000	20.000		x	x	
	2 Công trình	Xã Ia Hiao		6.000	6.000		x	x	
	9 Công trình	Xã Ia Khrol		27.000	27.000		x	x	
	8 Công trình	Xã Ia Dreh		14.660	14.660		x	x	
	2 Công trình	Xã Đak Somei		4.000	4.000		x		
	1 Công trình	Xã Ia Dom		1.000	1.000		x		
	3 Công trình	Xã Canh Liên		17.000	17.000		x	x	
	1 Công trình	Xã Vĩnh Sơn		5.175	5.175		x	x	
	1 Công trình	Xã Vĩnh Thạnh		1.680	1.680		x	x	
	3 Công trình	Xã An Toàn		5.800	5.800		x	x	
	5 Công trình	Xã An Vinh		11.200	11.200		x	x	
	3 Công trình	Xã An Hòa		7.500	7.500		x	x	
	2 Công trình	Xã Kim Sơn		21.000	21.000		x	x	
	1 Công trình	Xã Ân Tường		20.000	20.000		x	x	
	1 Công trình	Xã Vạn Đức		1.700	1.700		x	x	
	1 Công trình	Xã Đak Pơ		3.000	3.000		x		
2	Nước sinh hoạt phân tán			<b>23.419</b>		<b>23.419</b>			
		Phường An Phú	10 Hộ	30		30		x	
		Xã Ayun	100 Hộ	300		300	x	x	
		Phường Hội Phú	35 Hộ	105		105	x	x	
		Xã Tơ Tung	85 Hộ	255		255	x	x	
		Xã Pờ Tó	235 Hộ	156		156	x	x	
		Xã Phú Túc	100 Hộ	300		300	x	x	
		Xã Phú Thiện	50 Hộ	150		150	x	x	
		Xã Mang Yang	15 Hộ	45		45		x	
		Xã Lơ Pang	100 Hộ	300		300	x	x	

TT	Nội dung	Địa bàn	Số người thụ hưởng	Nguồn vốn			Dự kiến thời gian hoàn thành		Ghi chú
				Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Năm 2026	Năm 2027	
		Xã Kon Chiêng	220 Hộ	660		660	x	x	
		Xã Kbang	5 Hộ	15		15	x		
		Xã Ia Tul	467 Hộ	1.401		1.401	x	x	
		Xã Ia Tôr	125 Hộ	375		375	x	x	
		Xã Ia Sao	50 Hộ	150		150	x	x	
		Xã Ia Rsai	250 Hộ	750		750	x	x	
		Xã Ia Púch	75 Hộ	225		225	x	x	
		Xã Ia Pnôn	10 Hộ	30		30	x		
		Xã Ia Phí	65 Hộ	195		195	x		
		Xã Ia Pa	228 Hộ	684		684	x	x	
		Xã Ia Nan	150 Hộ	450		450	x	x	
		Xã Ia Mơ	40 Hộ	120		120	x	x	
		Xã Ia Ly	175 Hộ	525		525	x	x	
		Xã Ia Le	79 Hộ	237		237	x	x	
		Xã Ia Lâu	51 Hộ	153		153	x		
		Xã Ia Krêl	280 Hộ	840		840	x	x	
		Xã Ia Krái	77 Hộ	231		231	x	x	
		Xã Bàu Cạn	100 Hộ	300		300	x	x	
		Xã Chư Puh	50 Hộ	150		150	x	x	
		Xã Ia Ko	75 Hộ	225		225	x	x	
		Xã Đak Pơ	110 Hộ	330		330	x	x	
		Xã Krong	1,150 Hộ	7.000		7.000	x	x	
		Xã Ia Dreh	225 Hộ	675		675	x	x	
		Xã Ia Boông	80 Hộ	240		240	x	x	
		Xã Hra	125 Hộ	375		375	x	x	
		Xã SRó	100 Hộ	300		300	x	x	
		Xã Đức Cơ	100 Hộ	300		300	x	x	

TT	Nội dung	Địa bàn	Số người thụ hưởng	Nguồn vốn			Dự kiến thời gian hoàn thành		Ghi chú
				Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Năm 2026	Năm 2027	
		Xã Al Bá	30 Hộ	90		90	x	x	
		Xã Ia Grai	95 Hộ	285		285	x	x	
		Xã Ia Hrun	100 Hộ	180		180		x	
		Xã Ia Hiao	60 Hộ	180		180	x	x	
		Xã Đak Somei	45 Hộ	135		135	x	x	
		Xã Ia Chia	10 Hộ	30		30	x		
		Xã Bờ Ngoong	85 Hộ	255		255	x	x	
		Xã Ia Khro	300 Hộ	900		900	x	x	
		Xã Chư Sê	195 Hộ	585		585	x	x	
		Xã Chư Prông	29 Hộ	87		87	x		
		Xã Ia Dom	35 Hộ	105		105	x		
		Xã Ia Hnú	75 Hộ	225		225	x	x	
		Xã Đak Rong	120 Hộ	360		360	x	x	
		Xã Kon Gang	70 Hộ	210		210	x	x	
		Xã Vân Canh	100 Hộ	300		300	x	x	
		Xã Vĩnh Sơn	100 Hộ	300		300	x	x	
		Xã Vĩnh Quang	100 Hộ	300		300	x	x	
		Xã Tây Sơn	5 Hộ	15		15	x		
		Xã Kdang	100 Hộ	300		300	x	x	
<b>II</b>	<b>Điện sinh hoạt</b>			<b>120.730</b>	<b>120.730</b>	<b>0</b>			
1	Công trình điện lưới								
1.1	Tên công trình			<b>120.730</b>	<b>120.730</b>	<b>0</b>			
	10 Công trình	Xã Biền Hồ		23.580	23.580		x	x	
	5 Công trình	Xã Gào		11.000	11.000		x	x	
	2 Công trình	Xã Ia Dreh		7.000	7.000		x	x	
	2 Công trình	Xã Ayun		1.350	1.350		x		
	3 Công trình	Xã Krong		4.200	4.200		x	x	

TT	Nội dung	Địa bàn	Số người thụ hưởng	Nguồn vốn			Dự kiến thời gian hoàn thành		Ghi chú
				Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Năm 2026	Năm 2027	
	2 Công trình	Xã Kông Chro		1.000	1.000		x		
	1 Công trình	Xã Kbang		2.000	2.000			x	
	4 Công trình	Xã Ia Rsai		5.800	5.800		x	x	
	7 Công trình	Xã Ia Phí		21.000	21.000		x	x	
	7 Công trình	Xã Bàu Cạn		7.000	7.000		x	x	
	2 Công trình	Xã Ia Khrol		4.000	4.000		x	x	
	1 Công trình	Xã Canh Liên		1.500	1.500		x	x	
	1 Công trình	Xã Vĩnh Sơn		2.000	2.000		x	x	
	1 Công trình	Xã Vĩnh Thạnh		1.800	1.800		x	x	
	1 Công trình	Xã Vĩnh Thịnh		1.000	1.000		x	x	
	1 Công trình	Xã An Lão		1.500	1.500		x	x	
	3 Công trình	Xã An Hòa		4.000	4.000		x	x	
	2 Công trình	Xã Ân Tường		2.500	2.500		x	x	
	1 Công trình	Xã Bình Phú		1.500	1.500		x	x	
	17 Công trình	Xã Ia Boong		17.000	17.000		x	x	
<b>III</b>	<b>Các nội dung, nhu cầu thiết yếu khác theo nhu cầu địa phương</b>			<b>3.261.409</b>	<b>3.261.409</b>	<b>0</b>			
1	Công trình giao thông			<b>3.261.409</b>	<b>3.261.409</b>	<b>0</b>			
	25 Công trình	Xã Biên Hồ		63.040	63.040		x	x	
	3 Công trình	Xã Gào		42.900	42.900		x	x	
	23 Công trình	Xã Ayun		19.376	19.376		x	x	
	12 Công trình	Xã Ya Ma		28.000	28.000		x	x	
	3 Công trình	Xã Ya Hội		33.000	33.000		x	x	
	10 Công trình	Xã Uar		10.000	10.000		x	x	
	20 Công trình	Xã Tơ Tung		66.705	66.705		x	x	
	5 Công trình	Xã Sơn Lang		9.930	9.930		x	x	
	11 Công trình	Xã Pờ Tô		13.100	13.100		x	x	

TT	Nội dung	Địa bàn	Số người thụ hưởng	Nguồn vốn			Dự kiến thời gian hoàn thành		Ghi chú
				Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Năm 2026	Năm 2027	
	2 Công trình	Xã Phú Túc		165.000	165.000		x	x	
	12 Công trình	Xã Phú Thiện		18.576	18.576		x	x	
	33 Công trình	Xã Lơ Pang		66.158	66.158		x	x	
	12 Công trình	Xã Kông Chro		21.250	21.250		x	x	
	11 Công trình	Xã Kon Chiêng		66.856	66.856		x	x	
	21 Công trình	Xã Kbang		26.610	26.610		x	x	
	19 Công trình	Xã Ia Tôr		36.660	36.660		x	x	
	8 Công trình	Xã Ia Sao		8.000	8.000		x	x	
	16 Công trình	Ia Rsai		48.900	48.900		x	x	
	12 Công trình	Xã Ia Púch		15.000	15.000		x	x	
	7 Công trình	Xã Ia Pnôn		26.360	26.360		x	x	
	6 Công trình	Xã Ia Phí		84.000	84.000		x	x	
	10 Công trình	Xã Ia Pa		34.146	34.146		x	x	
	4 Công trình	Xã Ia Nan		7.300	7.300		x	x	
	10 Công trình	Xã Ia Mơ		15.000	15.000		x	x	
	7 Công trình	Xã Ia Ly		53.000	53.000		x	x	
	4 Công trình	Xã Ia Le		23.800	23.800		x	x	
	4 Công trình	Xã Ia Lâu		25.000	25.000		x	x	
	6 Công trình	Xã Ia Krêl		120.000	120.000		x	x	
	25 Công trình	Xã Ia Krái		80.000	80.000		x	x	
	11 Công trình	Xã Kon Gang		13.100	13.100		x	x	
	20 Công trình	Xã Đak Pơ		20.460	20.460		x	x	
	12 Công trình	Xã Hra		19.135	19.135		x	x	
	60 Công trình	Xã Ia Khroł		100.000	100.000		x	x	
	13 Công trình	Xã SRó		23.200	23.200		x	x	
	20 Công trình	Xã Ia Ko		30.460	30.460		x	x	
	10 Công trình	Xã Chư Krey		38.600	38.600		x	x	

TT	Nội dung	Địa bàn	Số người thụ hưởng	Nguồn vốn			Dự kiến thời gian hoàn thành		Ghi chú
				Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Năm 2026	Năm 2027	
	9 Công trình	Xã Al Bá		9.600	9.600		x	x	
	6 Công trình	Xã Ia Grai		63.500	63.500		x	x	
	33 Công trình	Xã Ia Hrú		23.437	23.437		x	x	
	25 Công trình	Xã Ia Hrung		75.000	75.000		x	x	
	16 Công trình	Xã Chơ Long		52.000	52.000		x	x	
	8 Công trình	Xã Ia Chia		16.500	16.500		x	x	
	17 Công trình	Xã Ia Hiao		41.600	41.600		x	x	
	13 Công trình	Xã Kông Bơ La		40.512	40.512		x	x	
	10 Công trình	Xã Ia Boòng		68.302	68.302		x	x	
	2 Công trình	Xã Bờ Ngoong		8.000	8.000		x	x	
	10 Công trình	Xã Ia Bắng		10.560	10.560		x	x	
	5 Công trình	Xã Đak Đoa		3.000	3.000		x	x	
	28 Công trình	Xã Bàu Cạn		37.471	37.471		x	x	
	4 Công trình	Xã Đức Cơ		16.740	16.740		x	x	
	7 Công trình	Xã Krong		14.000	14.000		x	x	
	11 Công trình	Xã Đăk Song		12.400	12.400		x	x	
	23 Công trình	Xã Đak Rong		44.500	44.500		x	x	
	5 Công trình	Xã Đak Somei		78.000	78.000		x	x	
	9 Công trình	Xã Chư Prông		17.375	17.375		x	x	
	23 Công trình	Xã Canh Liên		204.400	204.400		x	x	
	57 Công trình	Xã Vân Canh		364.930	364.930		x	x	
	10 Công trình	Xã Canh Vinh		21.600	21.600		x	x	
	19 Công trình	Xã Vĩnh Sơn		40.762	40.762		x	x	
	3 Công trình	Xã Vĩnh Thạnh		6.740	6.740		x	x	
	5 Công trình	Xã Vĩnh Thịnh		19.000	19.000		x	x	
	10 Công trình	Xã Vĩnh Quang		7.380	7.380		x	x	
	18 Công trình	Xã An Toàn		69.200	69.200		x	x	

TT	Nội dung	Địa bàn	Số người thụ hưởng	Nguồn vốn			Dự kiến thời gian hoàn thành		Ghi chú
				Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Năm 2026	Năm 2027	
	18 Công trình	Xã An Vinh		112.300	112.300		x	x	
	22 Công trình	Xã An Lão		175.096	175.096		x	x	
	4 Công trình	Xã An Hòa		61.000	61.000		x	x	
	5 Công trình	Xã Ân Tường		6.000	6.000		x	x	
	6 Công trình	Xã Vạn Đức		20.682	20.682		x	x	
	3 Công trình	Xã Tây Sơn		6.500	6.500		x	x	
	9 Công trình	Xã Bình Phú		22.300	22.300		x	x	
	5 Công trình	Xã Kdang		18.400	18.400		x	x	
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>3.787.273</b>	<b>3.763.854</b>	<b>23.419</b>			